TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 20 - 3 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Tuấn

Bà Trần Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 672/2018/TLST - DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay thẻ tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-DS ngày 01/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-DS ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Địa chỉ: Số A, đường N, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn Công N- Chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh T theo văn bản ủy quyền số 4031/GUQ-PL&TT ngày 10/12/2018.

Người nhận ủy quyền theo ủy quyền của Quyền giám đốc có: ông Nguyễn Thanh T- Chức vụ: Phó phòng Phòng giao dịch C, thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh T theo văn bản ủy quyền số 15A/2019/GUQ-CNTV ngày 28/01/2019.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn H, sinh năm 1977 (vắng).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T trình bày:

Vào ngày 04/12/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần T - chi nhánh C (sau đây được gọi là Ngân hàng) và ông Lê Văn H đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ tính theo hàng tháng kể từ khi chủ thẻ thực hiện giao dịch (tức là tính thời hạn trả nợ mỗi tháng kể từ ngày 05/02/2018, số tiền gốc phải trả tối thiểu là 3% trên dư nợ và lãi phát sinh theo hợp đồng); lãi suất tại thời điểm vay là 1,6%/tháng; lãi suất quá hạn là 80.000đồng/tháng (nếu người vay thanh toán sau ngày 05 hàng tháng); mục đích vay: tiêu sài cá nhân; phương thức cho vay: thấu chi trên tài khoản; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 03/01/2018. Sau khi được cấp thẻ ông H đã thực hiện giao dịch rút số tiền gốc tổng cộng là 14.322.400 đồng vào ngày 05/01/2018. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 3.127.000 đồng.

Do vào các tháng gồm: ngày 05 tháng 3, ngày 05 tháng 4, ngày 05 tháng 6 và ngày 05 tháng 7 của năm 2018 ông H trả nợ sau ngày 05 của các tháng nêu trên nên ngoài việc ông H phải chịu lãi trong hạn ký kết theo hợp đồng là là 1,6%/tháng thì còn phải chịu lãi quá hạn của dư nợ là 80.000 đồng của các tháng 3, 4, 5 và tháng 7 của năm 2018 (ngày 05 tháng 5 năm 2018 ông H trả đúng hạn). Kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2018 trở đi ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký vào ngày 04 tháng 12 năm 2017 nên ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (tại Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do đó, ngày 05/8/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2018 ông H phải trả số nợ gốc cho Ngân hàng là 13.271.540 đồng, tổng số lãi còn phải trả đến ngày 20/3/2019 là 704.751đồng, tổng cộng: 13.976.291 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn H trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/3/2019) tổng số tiền là 13.976.291 đồng (trong đó vốn gốc 13.271.540 đồng , nợ lãi là 704.751đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 21/3/2019 đến khi ông H trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức

lãi suất được quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2017 (lãi suất là 1,6%/tháng)

Đối với bị đơn ông Lê Văn H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Lê Văn H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên cho rằng, vào ngày 04/12/2017 Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông H với hạn với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2017 và ông H đã thực hiện giao dịch rút số tiền gốc tổng cộng là 14.322.400 đồng. Việc các bên ký kết các hợp đồng nêu trên là tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Nay ông H đã vi phạm nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng vay vốn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, buộc ông H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 13.976.291 đồng và tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, ký ngày 04/12/2017 cho đến khi ông H trả xong nợ. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy hợp đồng vay vốn ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn là để tiêu xài cá nhân nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quá trình tống đạt các văn bản của Tòa án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tính hợp pháp của hợp đồng vay vốn: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2017 ký kết giữa Ngân hàng với ông H là hoàn toàn tự nguyện tuân thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng được quy định tại các điều 116, 117, 119 của Bộ luật dân sự 2015 nên hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng vay vốn, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã thực hiện việc cấp thẻ tín dụng cho ông H với hạn mức tối đa là 15.000.000đồng và ông H đã thực hiện giao dịch rút số tiền gốc tổng cộng là 14.322.400 đồn. Tuy nhiên, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2018, từ khi vay cho đến nay ông H chỉ trả được 3.127.000 đồng tiền vốn cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông H trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/3/2019) là 13.976.291 đồng (trong đó vốn gốc 13.271.540 đồng, nợ lãi 704.751đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số: 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/02/2005; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về mức lãi suất mà phía bị đơn ông H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc: Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là kể từ ngày 21/3/2019), ông H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2017.

[3] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 , Điều 72, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc ông Lê Văn H trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/3/2019) là 13.976.291 đồng (trong đó vốn gốc 13.271.540 đồng, nợ lãi 704.751đồng).

Kể từ ngày 21/3/2019, ông Lê Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/12/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn H phải chịu 698.814đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần T không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng 335.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018056 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai